

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 05/2018/DS-ST
Ngày: 23/5/2018
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Thiêm

2. Ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/TLST-DS ngày 19/12/2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-DS ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V

Địa chỉ: Số 02, đường Láng, Quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ; Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V – Chức vụ : Giám đốc ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T; Bà Đinh Thị D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ch.

(Văn bản ủy quyền số 510/QĐ- HĐTV –PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch hội đồng thành viên – Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V)

Bị đơn: Anh Lê Quý Đ sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị M sinh năm 1982

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người làm chứng:

Chị Hoàng Thị T – sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 225, khu 7 thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

(Có mặt chị D, chị T, vắng mặt ông V, anh Đ và chị M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền chị D trình bày:

Ngày 26/6/2015 bên nguyên đơn và bị đơn có ký hồ sơ vay vốn số tiền là 17 triệu đồng mục đích vay vốn để để đắp bờ ao và chăn nuôi, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 11%/1 năm, định kỳ trả gốc là 2 kỳ, trả lãi 5 tháng/1 lần, hạn cuối cùng trả gốc lãi là 26/6/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng vay anh Đ và chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 26/6/2017 là hạn trả nợ gốc và lãi vợ chồng anh Đ và chị M không trả, bên cho vay đã gửi thông báo đòi nợ vào các ngày 30/6/2017; 08/7/2017; 18/8/2017 cho anh Đ chị M, nhưng họ vẫn trây ỳ không trả tiền gốc lãi cho Phòng giao dịch. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh chị Đ, M trả tiền gốc là: 17.000.000 đồng; tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hồ sơ vay tính đến ngày xét xử là 3.153.000 đồng. Chúng tôi không yêu cầu tính lãi suất phạt chậm trả, không yêu cầu lãi suất phạt quá hạn.

Tại bản tự khai - bị đơn ông Lê Quý Đ trình bày:

Anh có vay bên nguyên đơn số tiền 17 triệu đồng mục đích để đắp bờ ao và chăn nuôi. Ngày vay là 26/6/2015. Sau khi đầu tư vào chăn nuôi không hiệu quả, anh đi làm ăn xa, khi về anh nhận được giấy của Tòa án yêu cầu đến Tòa án để giải quyết việc vay nợ với ngân hàng do quá hạn. Đến ngày 21/4/2018 anh về nhà. Anh đã nhận được nhiều thông báo thụ lý vụ án và các văn bản khác của Tòa án nhưng vì làm xa anh không biết. Nay anh viết bản tự khai xác định rằng trong thời gian vay anh không được ngân hàng thông báo thu hồi nợ. Nay ngân hàng đòi nợ gốc và lãi anh đồng ý trả nợ gốc và lãi suất.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa, chị T – là người làm chứng trình bày:

Chị là người thẩm định hồ sơ vay vốn số tiền là 17 triệu đồng giữa nguyên đơn và vợ chồng anh chị M Đ. Anh Đ và chị M là người ký trực tiếp trên giấy đề nghị kiểm phương án, đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất, sổ vay vốn. Sau khi thẩm định hồ sơ vay vốn đủ điều kiện vay vốn, chị chuyển hồ sơ cho giám đốc phòng giao dịch. Ngày 26/6/2015 Anh Đ là người trực tiếp ký nhận số tiền 17 triệu đồng ký trên giấy lĩnh tiền vay.

Tại công văn ngày 23/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Anh Đ và chị M vẫn đang sinh sống trên mảnh đất có diện tích 200m² tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Chị M và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 31/12/2005.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Đ và chị M liên đới trả số tiền 17.000.000 đồng tiền gốc và 3.153.000 đồng tiền lãi theo thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn. Anh Đ và chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đ và chị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Đ và chị M theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh Đ và chị M phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ gốc: 17 triệu đồng và 3.153.028 đồng tiền lãi thì thấy hồ sơ vay vốn bao gồm; sổ vay vốn dùng cho hộ gia đình số sổ BH 427369; giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn dùng cho hộ gia đình, vay vốn không phải bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra hồ sơ vay vốn còn có đơn xin xác nhận quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất, đều có chữ ký của anh Đ và chị M với tư cách là thành viên hộ gia đình và là người thừa kế. Anh Đ đã ký trên sổ lưu tờ rời, giấy lĩnh tiền vay. Như vậy hợp đồng tín dụng được ký kết hoàn toàn tự nguyện của hai bên đương sự là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét thấy 03 thông báo đòi tiền vào các ngày 30/6/2017; 08/7/2017; 18/8/2017 của nguyên đơn cho thấy anh Đ và chị M đã vi phạm hợp đồng tín dụng về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tính đến ngày 26/6/2017. Tại bản tự khai anh Đ thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 17 triệu đồng và tiền lãi. Nay nguyên đơn đòi nợ, anh đồng ý trả gốc và lãi như yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình tố tụng chị M không đến Tòa án làm việc, xét thấy chị M đã ký trực tiếp trên hồ sơ vay vốn ngày 26/6/2015, còn chính quyền địa phương xác định chị M và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 31/12/2005, hiện nay anh chị vẫn đang sinh sống trên thửa đất có diện tích 200m² tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Như vậy chị M phải có trách nhiệm liên đới trong hợp đồng tín dụng trên. Hội đồng xét xử áp dụng điều 471; điều 472; điều 473; điều 474, điều 476, điều 478 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Đ và chị M liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 17 triệu đồng và số tiền lãi là 3.153.000 đồng (tính theo lãi suất thỏa thuận 11% ký tại hồ sơ vay vốn). Ngân hàng không yêu cầu trả lãi phạt, lãi chậm trả nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn chấp nhận nên trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng. Buộc anh Đ và chị M liên đới phải chịu 1.006.000 đồng án phí dân sự.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 471; điều 472; điều 473; điều 474, điều 476, điều 478 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử như sau:

1. Buộc vợ chồng anh Lê Quý Đ và chị Nguyễn Thị M có địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh T – Phòng giao dịch C theo số vay vốn số BH427369 số tiền 20.153.028 đồng (trong đó số tiền nợ gốc 17 triệu đồng và số tiền lãi 3.153.028 đồng).

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

2. Về án phí: Trả lại nguyên đơn số tiền 500.000đồng, đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001280 ngày 19/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Anh Đ và chị M liên đới phải chịu 1.006.000đồng án phí dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bà D báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 23/5/2018. Vắng mặt ông V, anh Đ, chị M báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kim Hằng